TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Duy Hừng;

Bà Âu Thị Ngọc Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1983; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 15/12/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh C đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 02/5/2023, hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu L, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn C dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với anh C nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh C có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 15/12/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng chị và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh C đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh C thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy anh C đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 02/5/2023, hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu L. Xét thấy, sau khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Ngoài ra cháu L hiện dưới 36 tháng tuổi, cần được mẹ quan tâm chăm sóc. Vì vậy việc giao con chung là cháu L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con đối với con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 02/5/2023, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Xét thấy "cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con" nên việc chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh C và nhu cầu thiết yếu của con chung là cháu L theo quy định tại Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 02/5/2023 cho chị Phạm Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015304 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T, bị đơn anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh